TÒA ÁN NHA DA
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **192**/2023/QĐST-HNGĐ

***Cái Bè**, ngày 18 tháng 8 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHA DA HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhA dA: 1. Ông **Tống Văn Tư**
2. Ông **Đỗ Duy Hừng**

Căn cứ vào các điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244, Điều 212, 213, 235, 246 của Bộ luật tố tụng dA sự; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dA sự.

Căn cứ vào các Điều 33, 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhA và gia đình.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dA sự thụ lý số 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản và nợ chung khi ly hôn".

XÉT THẤY:

Tại phiên toà các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập NgA hàng A, xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập ngày 27/4/2023 do chị Y và anh A trả tất nợ cho ngA hàng; chị Y và anh A thống nhất không ý kiến gì.

Về án phí: Căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 24/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Cái Bè giá đất do UBND tỉnh Tiền Giang quy định là 190.000 đồng/m^2, nên số tiền án phí các bên phải chịu như sau:

+ Số tiền án phí chị Thân Ngọc Y: [(506,7m^2 x 190.000 đồng/m^2) + 198.041.020 đồng] x 5% =14.715.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dA sự sơ thẩm về chia tài sản và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhA và gia đình sơ thẩm.

+ Số tiền án phí anh Nguyễn Văn A: [(777,0m^2 x 190.000 đồng/m^2) + 639.657.000 đồng] = số tiền án phí là 35.491.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **ThA Ngọc Y**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp An L, xã Đ, huyện C, T.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện , T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **ThA Văn X**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp Mỹ Tường A, xã H, huyện C, T.

2/ Chị **Nguyễn Thị Thuỷ A**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, T.

Đại diện uỷ quyền: Anh **Nguyễn Văn A** , sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, T.

3/ Chị **ThA Ngọc A**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp An L, xã Đ, huyện C, T.

4/ Anh **Nguyễn ThA Thái H**, sinh năm 2003.

5/ Cháu **Nguyễn ThA Yến V**, sinh ngày 25/3/2009.

Đại diện theo pháp luật cháu Nguyễn ThA Yến V là Chị ThA Ngọc Y và anh Nguyễn Văn A.

6/ **NgA hàng A.**

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, Phường T, Quận B, Thành Phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** – Tổng giám đốc.

Đại diện uỷ quyền: Ông **Nguyễn Thế P** – Giám đốc.

Đại diện uỷ quyền: Ông **Nguyễn Việt T** – Phó giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhA: Chị ThA Ngọc Y và anh Nguyễn Văn A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn ThA Thái H, sinh ngày 10/5/2003 và Nguyễn ThA Yến V, sinh ngày 25/3/2009, hiện cháu H đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Còn cháu V, chị Y và anh A thỏa thuận giao cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Y không có yêu cầu. Anh A được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị ThA Ngọc Y và anh Nguyễn Văn A thoả thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

+ Anh Nguyễn Văn A chia, giao đất và tài sản trên đất cho chị ThA Ngọc Y đối với diện tích đất 506,70m^2 nằm trong thửa số 670, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.283,7m^2 toạ lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 30/7/2020 cho anh Nguyễn Văn A đại diện hộ đứng tên và tài sản trên đất gồm nhà kho (ký hiệu T-03) kết cấu cột bê tông, vách tole + lưới B40, mái tole, nền gạch cramic, không trần, không khu phụ, tấm cánh nhiệt, diện tích 121,5m^2; Mái che nhà kho (ký hiệu T-02) kết cấu mái tole, nền xi măng, diện tích 3,2m^2; Mái che nhà kho (ký hiệu T-01) kết cấu mái tole, nền xi măng, diện tích 5,5m^2; Hàng rào lưới B40 kết cấu cộng ximăng, diện tích 10,4m^2 và 17 cây mít loại B1.

Phần diện tích đất anh A chia và giao cho chị Y diện tích 506,70m^2 nằm trong thửa số 670, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.283,7m^2 toạ lạc tại ấp A, xã Đ,

huyện C, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 30/7/2020 cho anh Nguyễn Văn A đại diện hộ gia đình đứng tên có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp với phần đất còn lại chia cho anh Nguyễn Văn A.

+ Hướng Tây giáp với phần đất ông Nguyễn Văn B.

+ Hướng Nam giáp với đường huyện 74.nhựa.

+ Hướng Bắc giáp với đất ông Huỳnh Tấn L.

+ Chia cho anh Nguyễn Văn A phần đất diện tích 777,0m^2 nằm trong thửa số 670, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.283,7m^2 toạ lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 30/7/2020 cho ông Nguyễn Văn A đại diện hộ đứng tên và tài sản trên đất gồm nhà (ký hiệu T-10) kết cấu cột kèo bê tông cốt thép, mái tole, vách tường, gạch men, trần Prima, có khu phụ, diện tích 126,7m^2; Nhà sau (ký hiệu T-12) kết cấu cột bê tông, mái tole, đòn tay thép, nền xi măng, 01 cột nhờ, 01 không vách, diện tích 32,3m^2; Mái che nhà kho (ký hiệu T-05) kết cấu mái tole, nền xi măng, diện tích 1,4m^2; Mái che nhà kho (ký hiệu T-06) kết cấu mái tole, nền xi măng, diện tích 68,2m^2; Mái che (ký hiệu T-09) kết cấu mái tole, nền xi măng, diện tích 35,4m^2; Hàng rào lưới B40 kết cấu cột xi măng, khung lưới B40, diện tích 210,84m^2; Cổng rào kết cấu cột dán gạch ceramic, khung cửa sắt, diện tích 8,33m^2; 47 cây mít loại B1, 10 cây dừa loại C.

Phần đất chia cho anh Nguyễn Văn A diện tích 777,0m^2 nằm trong thửa số 670, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.283,7m^2 toạ lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 30/7/2020 cho anh Nguyễn Văn A đại diện hộ gia đình đứng tên có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp với đất Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh H.

+ Hướng Tây giáp với đất chia cho chị ThA Ngọc Y.

+ Hướng Nam giáp với đường huyện 74.nhựa.

+ Hướng Bắc giáp với đất ông Huỳnh Tấn L.

(Có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 24/5/2023 của Công ty TNHH một thành viên đo đạc Phúc T kèm theo).

Chị ThA Ngọc Y, anh Nguyễn Văn A được quyền sở hữu, quản lý đất, tài sản, cây trồng trên đất đối với tài sản được chia như trên ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật chị ThA Ngọc Y, anh Nguyễn Văn A được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia như trên theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của NgA hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Viêt Nam về việc yêu cầu chị ThA Ngọc Y và anh Nguyễn Văn A trả số tiền vay 317.354.794 đồng vốn và lãi.

Anh Nguyễn Văn A tự nguyện trả cho ông ThA Văn X số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) trả một lần vào ngày 18/11/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dA sự.

Về án phí: Chị ThA Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhA và gia đình sơ thẩm và số tiền 14.715.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011063 và số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011062 cùng ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, Tiền Giang, nên chị ThA Ngọc Y còn phải nộp tiếp số tiền 9.715.000 đồng (Chín triệu bảy trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn A phải chịu số tiền 35.491.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho NgA hàng A số tiền 7.933.000 đồng (Bảy triệu chín trăm ba mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011353 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Trinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe